CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Xây dựng và Giao thông Bình Dương

Ngày 31/12/2025	10,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**0.1%**	**9.3%**

DT thuần
Q4/25
562
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 372| 196%
YoY: ▲ 346| 160%

LN thuần
Q4/25
119
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 119| 34982%
YoY: ▲ 36.5| 44.6%

LN sau thuế
Q4/25
97.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.9| 3040%
YoY: ▲ 18.9| 24.2%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
14.7%
YoY: +/-▼ 13.6%

ROE
2025
23.3%
YoY: +/-▲ 2.6%

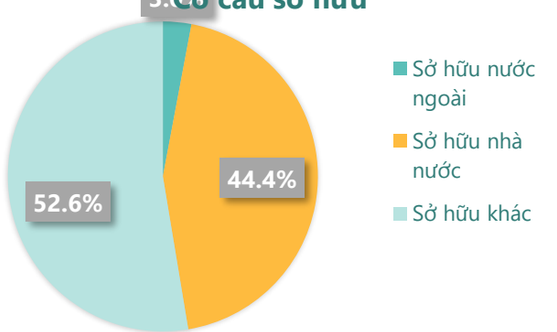
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,181 - 11,819
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	382
Số lượng CPLH (CP)	35,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	76,440
Sở hữu nước ngoài	3.0%
Beta	0.32
EPS	2,874
P/E	3.8

DT thuần
2025
880
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 587| 200%

LN thuần
2025
119
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 41.0| 52.0%

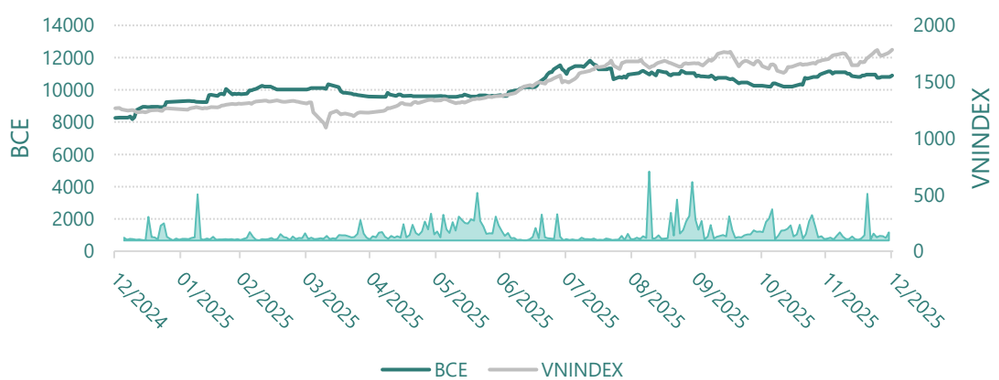
LN sau thuế
2025
101
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.4| 34.9%

Cơ cấu sở hữu

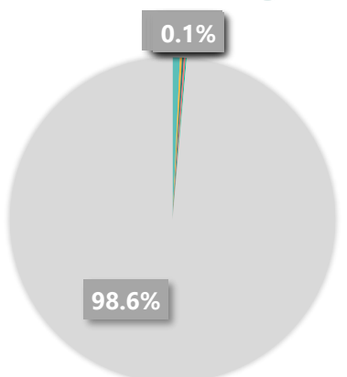


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

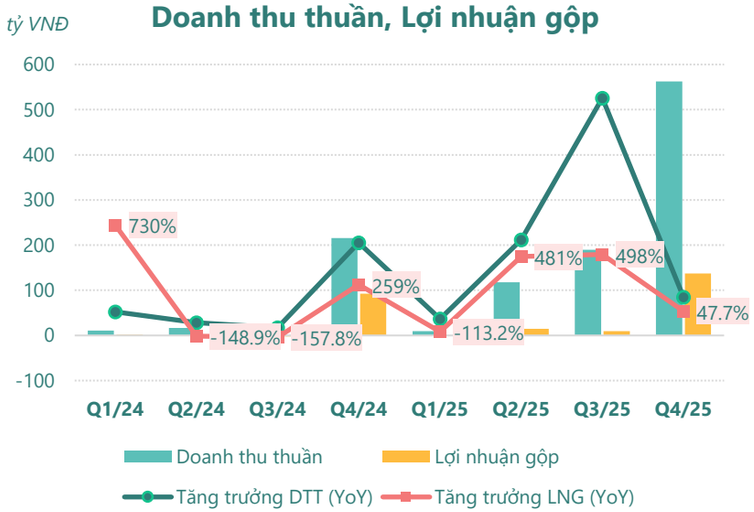


- Nguyễn Tấn Lợi
- Nguyễn Thị Thanh Tâm
- Nguyễn Kim Tiên (Tổng giám đốc)
- Hồ Minh Diễm Thúy
- Nguyễn Thị Bửu
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

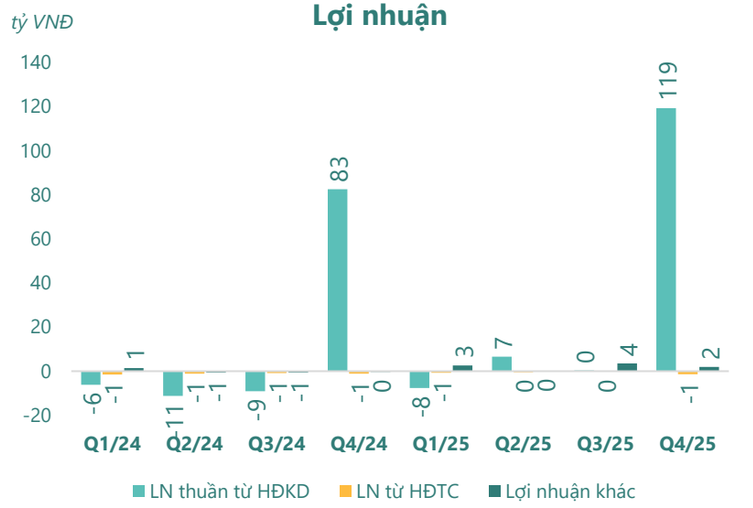
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



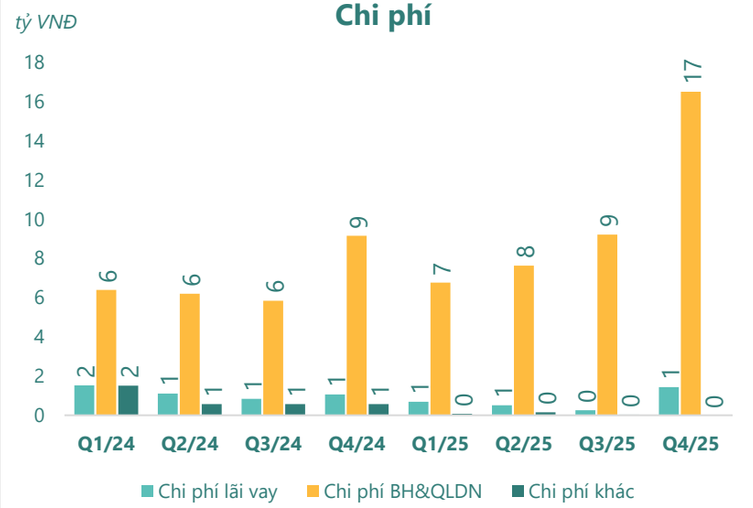
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



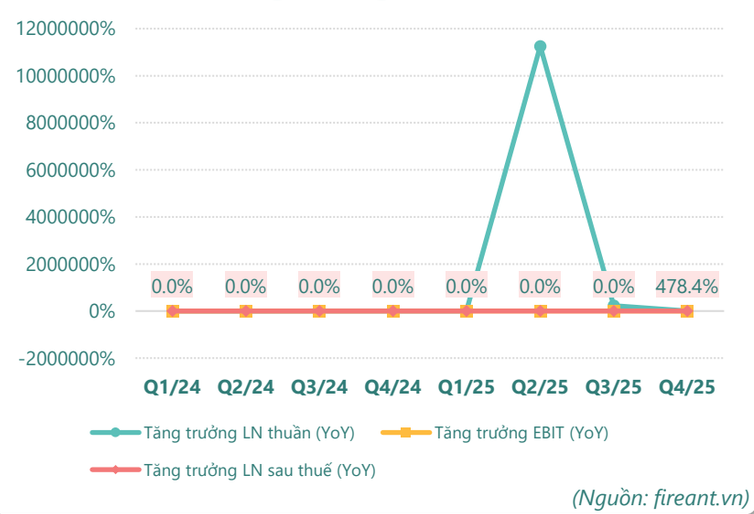
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



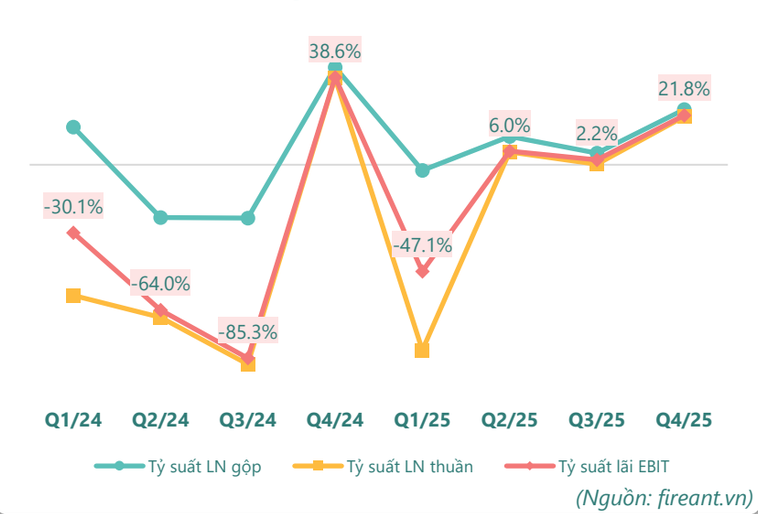
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



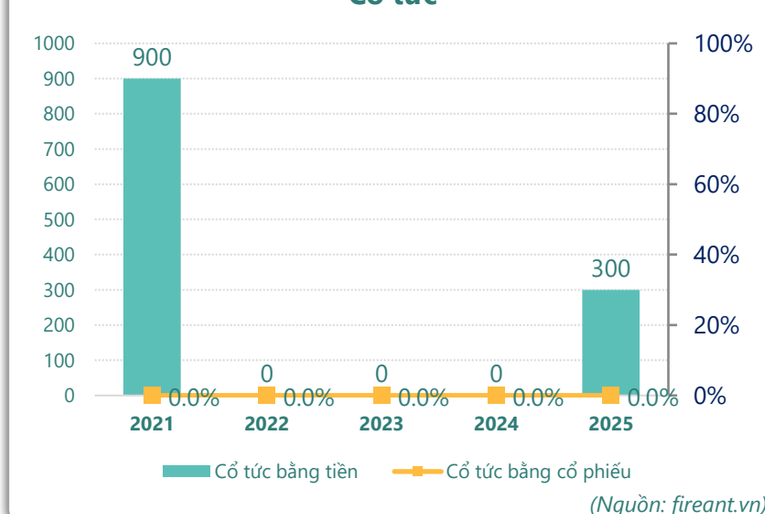
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

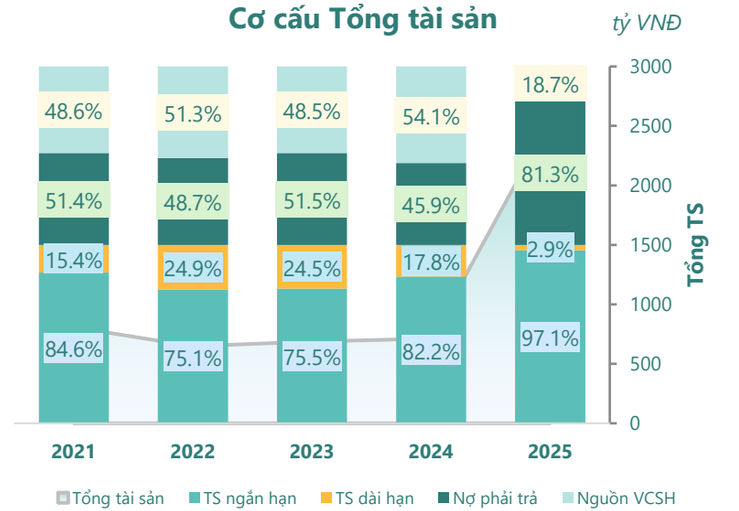
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

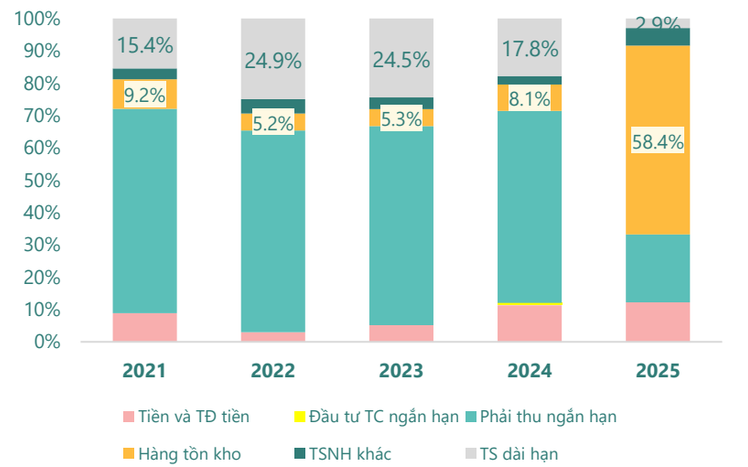
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



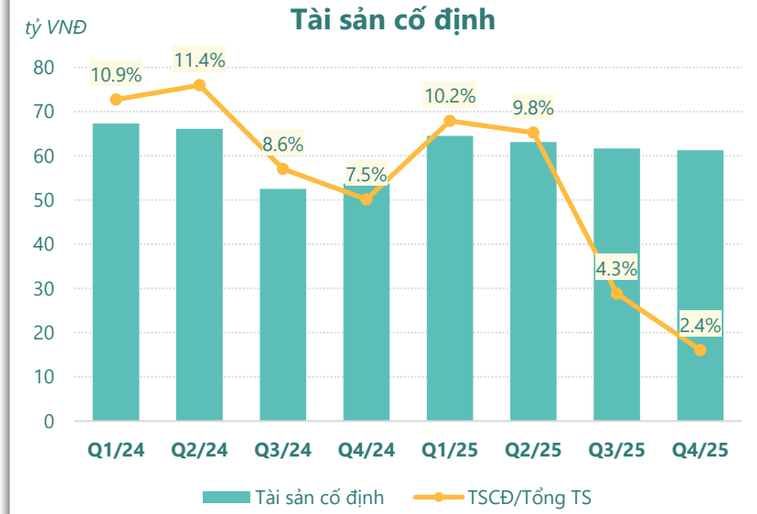
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



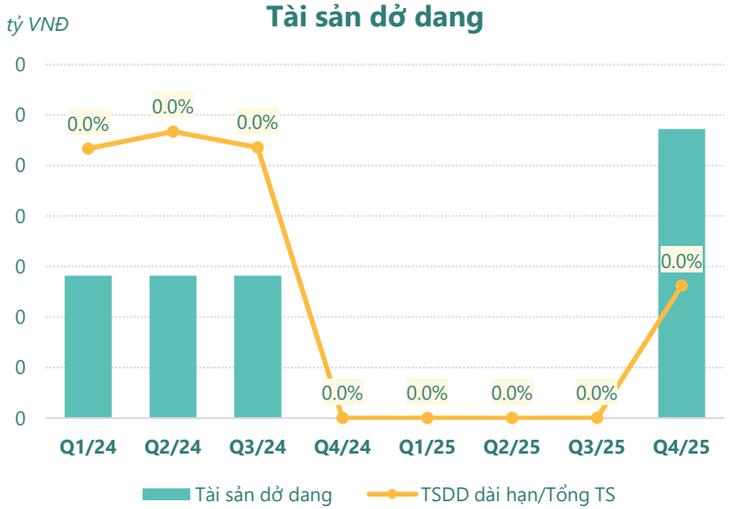
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



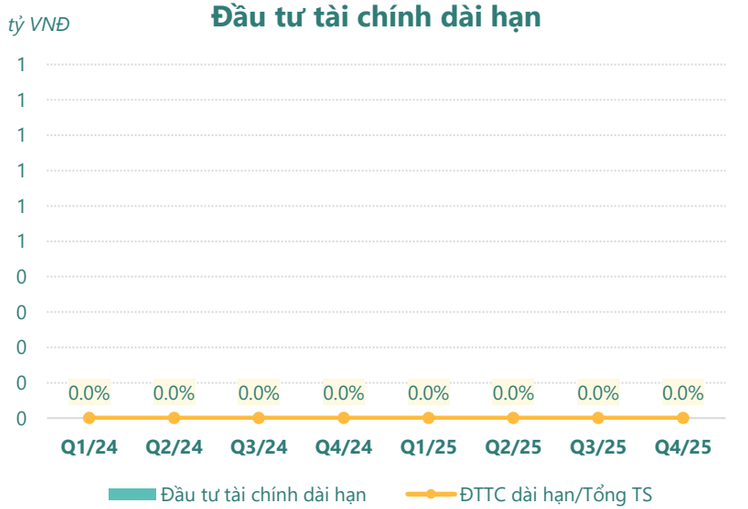
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



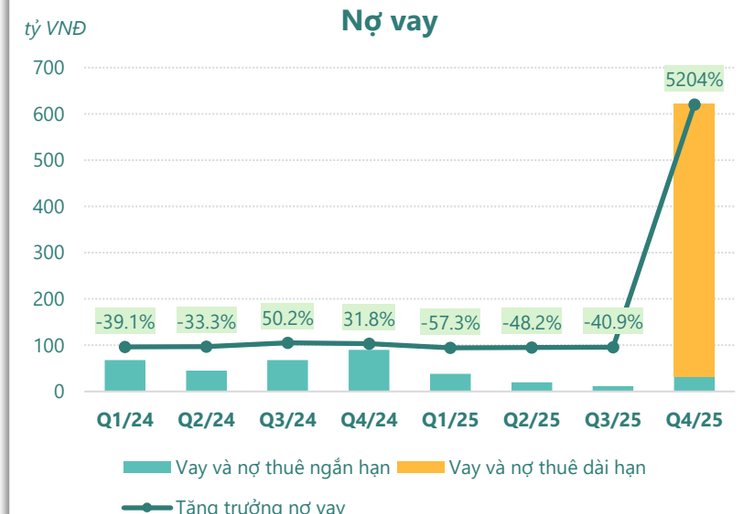
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

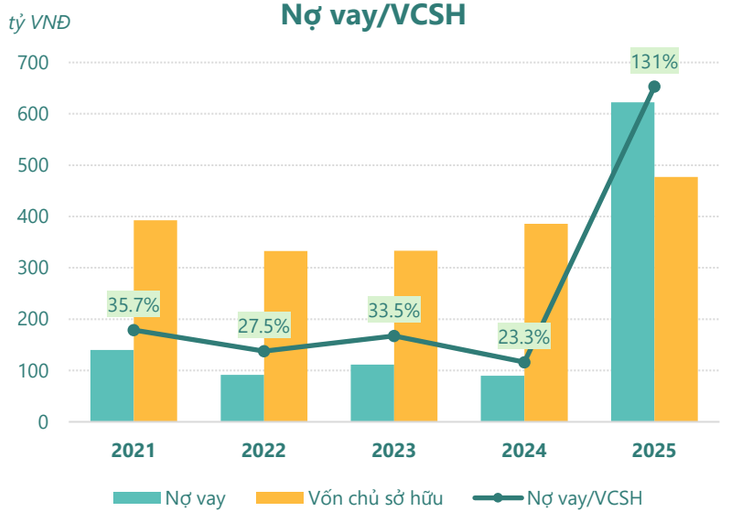
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

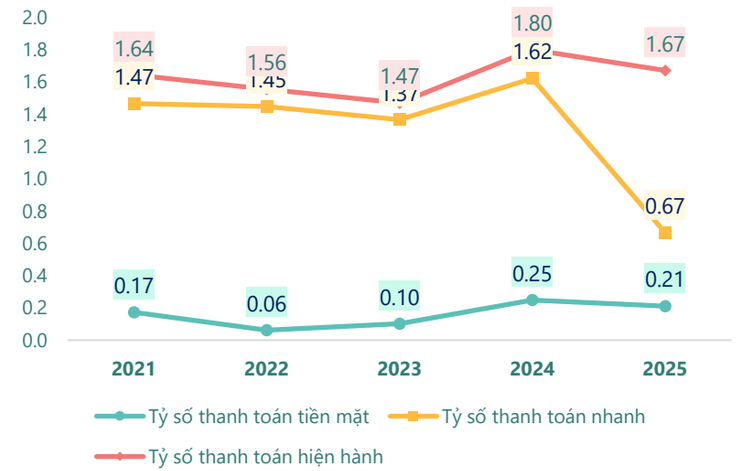
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



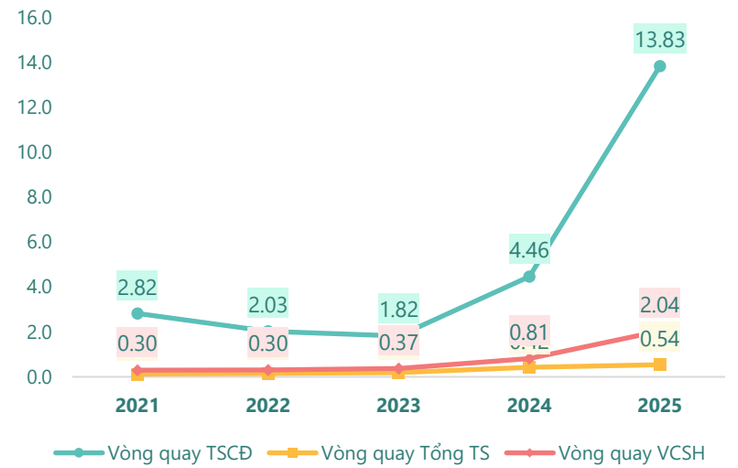
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



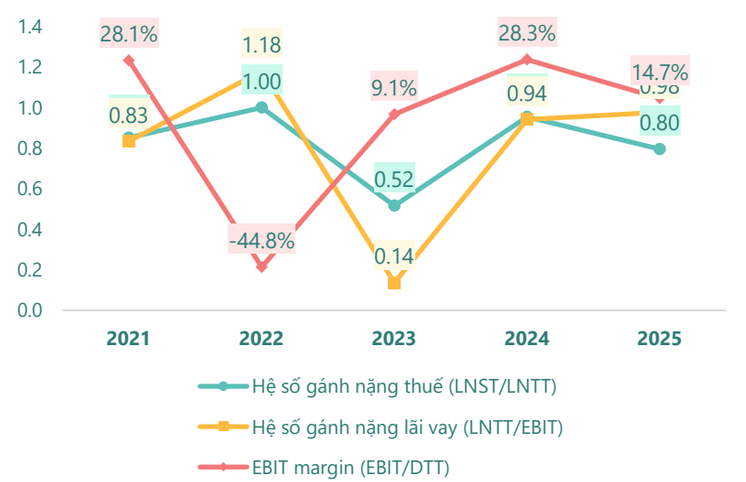
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



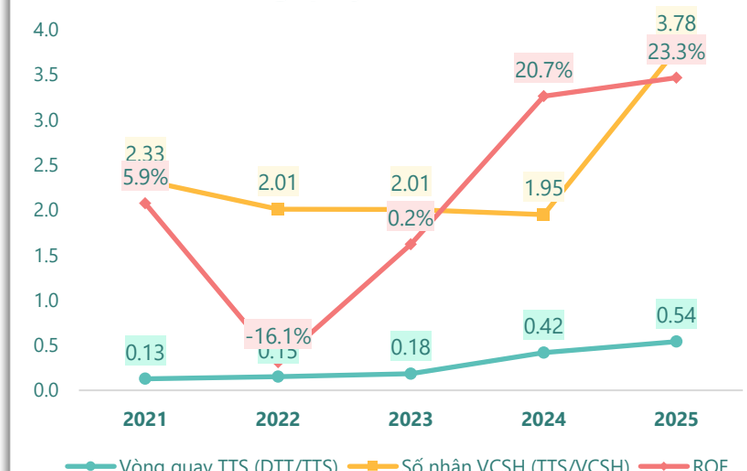
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



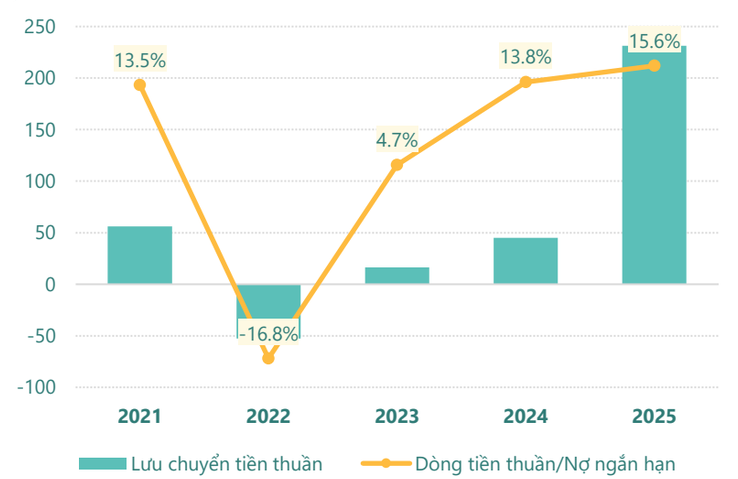
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**562**	**216**	**160%**	**880**	**293**	**200%**
Giá vốn hàng bán	425	123	246%	719	183	293%
Lợi nhuận gộp	137	92.7	47.7%	161	110	46.0%
Doanh thu HĐTC	0.03	0.02	73.7%	0.18	0.23	-22.9%
Chi phí TC	1.44	1.07	34.5%	2.88	4.88	-40.9%
Chi phí lãi vay	1.44	1.07	34.5%	2.88	4.88	-40.9%
LN trong công ty LKLD	**0.24**	**0.00**		**0.34**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.11	0.20	-44.3%	0.88	0.91	-4.0%
Chi phí QLDN	**16.4**	**8.95**	**83.1%**	**39.3**	**26.8**	**46.7%**
LN thuần từ HĐKD	119	82.5	44.6%	119	78.0	52.0%
Lợi nhuận khác	**1.89**	**-0.30**	**730%**	**7.91**	**0.13**	**6160%**
LN trước thuế	121	82.2	47.4%	126	78.1	61.9%
Lợi nhuận sau thuế	**97.0**	**78.1**	**24.2%**	**101**	**74.6**	**34.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**97.0**	**78.1**	**24.2%**	**101**	**74.6**	**34.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.7	38.1	-10.8	44.7	-38.4	-292
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.66	-2.38	0.02	0.13	4.95	-0.03
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.8	21.7	-51.4	-18.6	-7.94	601
Tiền đầu kỳ	13.8	28.5	80.8	18.7	44.9	3.51
Lưu chuyển tiền thuần	**14.7**	**57.4**	**-62.2**	**26.2**	**-41.4**	**309**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	28.5	85.8	18.7	44.9	3.51	312

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,545**	**713**	**257%**
Tài sản ngắn hạn	2,471	586	322%
Tiền và tương đương tiền	312	80.8	286%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	5.00	-100%
Phải thu ngắn hạn	533	424	25.8%
Hàng tồn kho	1,486	57.8	2472%
Tài sản ngắn hạn khác	140	18.6	653%
Tài sản dài hạn	**74.3**	**127**	**-41.6%**
Phải thu dài hạn	0.02	48.5	-100.0%
Tài sản cố định	61.3	65.9	-7.0%
Bất động sản đầu tư	9.51	9.51	0.0%
Tài sản dở dang	0.29	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.16**	**3.28**	**-3.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,069	327	532%
Nợ ngắn hạn	**1,478**	**326**	**354%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31.9	89.7	-64.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,070	122	780%
Nợ dài hạn	591	1.78	33101%
Vay và nợ thuê dài hạn	591	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**477**	**386**	**23.6%**
Vốn chủ sở hữu	**477**	**386**	**23.6%**
Vốn điều lệ	350	350	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)